ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ ĐÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 197/QĐ-UBND	*Phú Đình, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2024 của xã Phú Đình

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ ĐÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ xung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Căn cứ luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2024 của xã Phú Đình

(Có các biểu từ biểu 113 đến biểu 115 chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Đình, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHÚ ĐÌNH H.ĐỊNH HÓA T.THÁI NGUYÊN

Trương Văn Vựng

UBND XÃ PHÚ ĐÌNH *Biểu số 113/CK TC-NSNN*

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 197QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**6.808.000.000**	**8.009.260.513**	**117,64**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	53.000.000	39.349.000	74,24
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	196.600.000	228.648.039	116,30
3	Thu bổ sung	6.558.400.000	7.285.684.363	111,09
4	Thu chuyển nguồn		346.715.216	
5	Thu kết dư		108.683.895	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**6.808.000.000**	**6.618.784.182**	**97,22**
1	Chi đầu tư phát triển	50.400.000	1.468.052.741	2912,80
2	Chi thường xuyên	6.660.600.000	5.150.731.441	77,33
3	Dự phòng	97.000.000	0	0,00

UBND XÃ PHÚ ĐÌNH

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 197/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**6.884.400.000**	**6.808.000.000**	**8.268.572.263**	**8.009.260.513**	**120,11**	**117,64**
I	**Các khoản thu 100%**	**53.000.000**	**53.000.000**	**39.709.658**	**39.349.000**	**74,92**	**74,24**
1	Phí, lệ phí	43.000.000	43.000.000	28.349.000	28.349.000	65,93	65,93
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			11.000.000	11.000.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10.000.000	10.000.000	360.658	0	3,61	0,00
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**273.000.000**	**196.600.000**	**487.599.131**	**228.648.039**	**178,61**	**116,30**
1	Các khoản thu phân chia	11.000.000	11.000.000	58.408.068	27.092.644	530,98	246,30

1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			16.292.644	16.292.644		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	10.800.000	10.800.000	98,18	
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất			31.315.424			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	262.000.000	185.600.000	429.191.063	201.555.395	163,81	108,60
2.1	Thu tiền sử dụng đất	56.000.000	56.000.000	172.103.000	120.472.100	307,33	215,13
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	135.000.000	129.600.000	84.461.762	81.083.295	62,56	62,56
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	71.000.000		172.626.301	0	243,14	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
2.8	Tiền chậm nộp thuế						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**346.715.216**	**346.715.216**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**108.863.895**	**108.863.895**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**6.558.400.000**	**6.558.400.000**	**7.285.684.363**	**7.285.684.363**	**111,09**	**111,09**

UBND XÃ PHÚ ĐÌNH

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 197/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**6.808.000.000**	**50.400.000**	**6.757.600.000**	**6.618.784.182**	**1.468.052.741**	**5.150.731.441**	**96,13**	**2912,80**	**76,22**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi an ninh trật tự	350.480.000		350.480.000	320.558.240		320.558.240	91,46		91,46
5	Chi khối quân sự - dân quân tự vệ	551.292.000		551.292.000	444.085.746		444.085.746	80,55		80,55
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chị sự nghiệp văn hoá + TD-TT	84.000.000		84.000.000	64.422.900		64.422.900	76,69		76,69
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	31.000.000		31.000.000	0		0	0,00		
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.564.228.000	50.400.000	5.513.828.000	5.681.866.296	1.468.052.741	4.213.813.555	102,11	2912,80	76,42
11	Chi cho công tác xã hội	130.000.000		130.000.000	33.451.000		33.451.000	25,73		25,73

12	Chi khác				74.400.000		74.400.000			
13	Dự phòng	97.000.000		97.000.000	0		0	0,00		0,00
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									